

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề : CHĂN NUÔI - THÚ Y (Breeding -Veterinary)

Mã ngành, nghề: 5620120

Trình độ đào tạo: Trung cấp.

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chăn nuôi - Thú y trình độ trung cấp là ngành hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cung cấp cho xã hội các sản phẩm an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người hành nghề chăn nuôi - thú y có khả năng chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật về thú y; sản xuất kinh doanh chăn nuôi thú y; xây dựng, quản lý, điều hành các trang trại chăn nuôi và thực hiện được các nhiệm vụ khác liên quan đến lĩnh vực thú y

Đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trình độ trung cấp, nghề Chăn nuôi thú y theo Luật giáo dục nghề nghiệp; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe phù hợp với nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, tham gia lao động trong và ngoài nước hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, củng cố an ninh quốc phòng; bảo đảm liên thông giữa các cấp trình độ; phù hợp với thực tiễn thiết bị, công nghệ tiên tiến và nhu cầu sử dụng lao động của thị trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày được kiến thức về chăn nuôi gia súc, gia cầm
- Trình bày được kiến thức về dược lý học, miễn dịch học, kỹ thuật chăn nuôi và các kiến thức chung về chính sách, pháp luật có liên quan đến thú y;
- Trình bày được các kiến thức về bệnh lý học, cách chẩn đoán và phòng, trị các bệnh thông thường của vật nuôi, dịch vụ chăm sóc thú cưng;
- Trình bày được kiến thức về khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản

khoa;

- Mô tả được toàn bộ các công đoạn trong việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

1.2.1. Kỹ năng cứng

- Thực hiện được các công việc về chăn nuôi.

- Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;

- Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong công việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;

- Thực hiện được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;

- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;

- Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, hệ thống khuyến nông địa phương và tham gia sản xuất thuốc thú y;

- Tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia thực hiện các phương án phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;

- Lập kế hoạch, quản lý thời gian, tổ chức và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả;

- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực thú y để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao;

- Ghi được nhật ký công việc, lập báo cáo nội dung, tiến độ công việc. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y;

1.2.3. Kỹ năng mềm

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được Tiếng Anh cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được Tiếng Anh vào công việc chuyên môn của nghề.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của nghề bao gồm:

- Tổ chức chăn nuôi trong các trang trại chăn nuôi, hộ gia đình chăn nuôi;

- Phòng, chống dịch bệnh;

- Chẩn đoán bệnh;
- Điều trị bệnh;
- Khai thác và pha chế tinh dịch;
- Sản xuất thuốc thú y;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học, thuốc thú y, dụng cụ trang thiết bị chăn nuôi, thú y.
- Làm việc trong các cơ quan Nhà nước liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi – thú y.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 32
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa: 2.025 giờ
- Khối lượng các môn học bổ trợ: 225 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.545 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 614 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.411 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập	Thi/Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	98	143	14
51012001	Chính trị	2	30	15	13	2
51011002	Pháp luật	1	15	9	5	1
51041001	Giáo dục thể chất	1	30	4	25	1
51043003	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	19	23	3
51272001	Tin học	2	45	21	21	3
51284008	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học bổ trợ	10	225	75	140	10
51272901	Ứng dụng tin học trong chăn nuôi thú y	2	45	15	28	2
51282016	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	15	28	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập	Thi/Kiểm tra
51022038	Toán	2	45	15	28	2
51022040	Sinh học	2	45	15	28	2
51022039	Hóa học	2	45	15	28	2
III	Các môn học/mô đun chuyên môn nghề	64	1.545	441	1.046	58
<i>III.1</i>	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>18</i>	<i>390</i>	<i>141</i>	<i>231</i>	<i>18</i>
51185006	Giải phẫu Sinh lý vật nuôi	5	120	30	85	5
51183007	Dược lý thú y	3	60	27	30	3
51183008	Giống và Kỹ Thuật truyền giống	3	60	27	30	3
51183009	Dinh dưỡng và Thức ăn	3	60	27	30	3
51182010	Phương pháp thí nghiệm	2	45	15	28	2
51182011	Bảo vệ môi trường	2	45	15	28	2
<i>III.2</i>	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	<i>44</i>	<i>1.110</i>	<i>285</i>	<i>787</i>	<i>38</i>
51183012	Chăn nuôi Trâu bò	3	60	27	30	3
51183013	Chăn nuôi Lợn	5	120	27	88	5
51182014	Chăn nuôi Ong	2	45	15	28	2
51182015	Chăn nuôi Dê-Thỏ	2	45	15	28	2
51183016	Chăn nuôi gia cầm	3	60	27	30	3
51182017	Pháp luật chuyên ngành	2	45	15	28	2
51184018	Chẩn đoán và Bệnh nội khoa	4	90	30	56	4
51183019	Ngoại và sản khoa	3	60	27	30	3
51183020	Ký sinh trùng Thú y	3	60	27	30	3
51184021	Vi sinh vật và Bệnh truyền nhiễm	5	120	30	85	5
51182022	Kiểm nghiệm thú sản	2	45	15	28	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập	Thi/Kiểm tra
51182023	Vệ sinh chăn nuôi	2	45	15	28	2
51182024	Công nghệ sinh sản	2	45	15	28	2
51185025	Thực tập tại cơ sở	6	270	0	270	0
III.3	Môn học, mô đun tự chọn (học sinh lựa chọn 1 trong 2 mô đun):	2	45	15	28	2
51182026	Trồng trọt đại cương	2	45	15	28	2
51182027	Ứng dụng Công nghệ sinh học trong chăn nuôi	2	45	15	28	2
Tổng cộng		86	2.025	614	1.329	82

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

- Môn học Chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Môn học Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Môn học Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Môn học Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2008 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TTBLĐTBXH ngày 26/09/2018 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Môn học Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao:	Bổ trí linh hoạt ngoài giờ học Từ 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ, lễ chào mừng các ngày lễ lớn; các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt định kỳ hàng tháng/lần.
5	Tham quan, dã ngoại: Tham quan các cơ sở chăn nuôi trong hoặc ngoài tỉnh. Tham quan một số doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi, các công ty thuốc thú y có liên quan đến nghề Chăn nuôi thú y	Được tổ chức linh hoạt, đảm bảo mỗi học kỳ 1 lần, trừ kỳ cuối khóa học. Tối thiểu phải bố trí học sinh tham quan một số cơ sở chăn nuôi liên quan đến ngành nghề vào cuối học kỳ 2 năm học thứ nhất.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Kiểm tra hết môn học, mô đun được quy định trong chương trình môn học, mô đun; kiểm tra hết môn học, mô đun bằng hình thức thi viết, vấn đáp, trắc

nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Thời gian làm bài kiểm tra hết môn học, mô đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian kiểm tra vấn đáp có thời gian cho 01 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời; hình thức kiểm tra thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, trắc nghiệm, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa một hoặc nhiều các hình thức trên có thời gian thực hiện từ 2 đến 8 giờ.

- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả các môn học, mô đun thực tập tại doanh nghiệp được quy định cụ thể trong chương trình môn học, mô đun.

- Quy trình tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các văn bản hiện hành.

4.4. Hướng dẫn công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải tích lũy đủ số môn học/mô đun trong chương trình đào tạo.

- Hội đồng xét điều kiện tốt nghiệp đối với người học và đề nghị Hiệu trưởng nhà trường công nhận tốt nghiệp cho người học theo quy định theo quy định hiện hành.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp cho người học theo quy định.

4.5. Các chú ý khác:

Học sinh tốt nghiệp THCS được miễn 03 môn học (Toán 45 giờ và Sinh học 45 giờ và Hóa học 45 giờ) khi tham gia học đồng thời chương trình Giáo dục nghề nghiệp và một trong hai chương trình văn hóa, cụ thể:

- Chương trình văn hóa theo quy định tại Thông tư 16/2010/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chương trình khung trung cấp chuyên nghiệp ***để liên thông lên trình độ cao hơn.***

- Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp trung học phổ thông (THPT) theo quy định tại Quyết định số 50/2006/QĐ-BGDĐT ngày 07/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

Học sinh tốt nghiệp THPT tham gia học trình độ trung cấp được miễn 03 môn học (Toán 45 giờ và Sinh học 45 giờ và Hóa học 45 giờ).



